

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/KDTM-ST

Ngày 05 tháng 9 năm 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hân - Bà Phan Hoàng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S Địa chỉ trụ sở chính: Số G phố T, phường T, Quận H, T đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 nhánh A.Văn bản ủy quyền số 406.1/2023/VBUQ - SHB ngày 19/7/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2024: Ông Huỳnh Mạnh C phòng khách hàng cá nhân. Có mặt; Ông Châu T1 T1Tổ trưởng tổ xử lý nợ; Ông Trương Văn H1 viên xử lý nợ. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thành Đ năm 1990. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.Nơi ở hiện nay: Số I đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang(hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.Vắng mặt.

2.2. Bà Lê Thị Tuyết N năm 1989. Nơi cư trú: Số I N, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tố tụng ông Huỳnh Mạnh C1 đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/01/2022 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Nguyễn Thành Đ Lê Thị Tuyết N có ký hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700. Theo đó, Ngân hàng cho ông Đ N vay 1.300.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua bán lúa gạo (giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8033501 tên chủ hộ kinh doanh Lê Thị Tuyết N suất trong hạn kỳ đầu là 10%/năm. Sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân (mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn vay 10 tháng của Ngân hàng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,8%/năm); lãi suất quá hạn 150%/lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm, thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày 28/01/2022 đến ngày 28/11/2022; trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 25. Ngân hàng đã giải ngân tiền mặt cho ông Đ, bà N đủ số tiền của khoản vay trên vào ngày 28/01/2022 theo khế ước nhận nợ số 01-020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 ngày 28/01/2022.

Để bảo đảm khoản vay trên cho Ngân hàng, ông Đ và bà N hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 022/2022/HĐTC-CN/SHB.130700, ngày 27/01/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 89, diện tích 3153m² tọa lạc tại phường M, thành phố L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS10469 ngày 27/4/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A mang tên Nguyễn Thành Đ, Lê Thị Tuyết N. Thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành Đ, bà Lê Thị Tuyết N. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 27/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L ngày 28/01/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà N không thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ của ông Đ, bà N nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/8/2022 ông Đ, bà N cho Ngân hàng được 64.832.376 đồng tiền lãi.

Do ông Đ và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà N đối nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2024 là 1.825.082.329 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 518.802.962 đồng, lãi phạt chậm trả 6.279.367 đồng. Yêu cầu ông Đ N tiếp tục chịu lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng và theo quy định pháp luật phát sinh từ ngày 05/9/2024 đến khi ông Đ N thanh toán toàn bộ khoản vay, nếu ông Đ, bà N thực hiện trả hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Thành Đ, Lê Thị Tuyết N trình bày:

Ông Đ và bà N nhất lời trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn về việc ông và bà có xác lập hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700; khế ước nhận nợ số 01-020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 ngày 28/01/2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 022/2022/HĐTC-CN/SHB.130700, ngày 27/01/2022.

Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông bà, hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định. Nguyên đơn yêu cầu ông bà liên đới trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2024 là 1.825.082.329 đồng và tiếp tục chịu lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng phát sinh từ ngày 05/9/2024 đến khi ông bà thanh toán toàn bộ khoản vay và xử lý tài sản thế chấp thì ông bà đồng ý. Ý kiến trình bày của ông Đ quá trình tố tụng và ý kiến của bà N phiên tòa là xin Ngân hàng xem xét giảm lãi quá hạn vì hoàn cảnh của ông bà có khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tổng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS về xét xử vụ án.

* Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị:

Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N đới chịu trách nhiệm trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc chưa thanh toán và lãi phát sinh theo hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 ngày 27/01/2022 các bên đã ký đến khi thanh toán hết số nợ vay. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 022/2022/HĐTC-CN/SHB.130700, ngày 27/01/2022 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp, ông Đ, bà N thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án. Căn cứ Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Đ, bà N án phí do yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và có

mục đích lợi nhuận, nên thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại tiểu mục 14.1 Điều 14 của hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 ngày 27/01/2022 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng mà không tự thương lượng được thì được quyền lựa chọn áp dụng các biện pháp giải quyết phù hợp quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp. Bị đơn cư ngụ tại phường B, thành phố L Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, Tòa án đã thu thập thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nên việc vắng mặt ông Đ trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành Đ theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Ngày 27/01/2022 ông Đ bà N ký hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 để vay của Ngân hàng 1.300.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân tiền mặt cho ông Đ Nđủ số tiền vay theo khế ước nhận nợ số 01-020/2022/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 28/01/2022.

[2.2]. Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, ông Đ và bà N hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 022/2022/HĐTC-CN/SHB.130700, ngày 27/01/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 3153m² tọa lạc tại phường M, thành phố L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS10469 ngày 27/4/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A mang tên Nguyễn Thành Đ, Lê Thị Tuyết N. Tài sản thế chấp được Văn phòng C chứng nhận ngày 27/01/2022; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1, chi nhánh L ngày 28/01/2022.

[2.3]. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ bà N trả vốn, lãi theo hợp đồng đã ký mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu tất toán nợ. Do ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà N đới chịu trách nhiệm trả tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 1.825.082.329 đồng. Yêu cầu ông Đ Ntiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi trả xong nợ, đồng thời xử lý tài sản thế chấp nếu không trả nợ cho Ngân hàng trong quá trình thi hành án.

[2.4]. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà N, ông Đ nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ông bà có xác lập hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng và thừa nhận tạm tính đến ngày 04/9/2024 ông bà nợ Ngân hàng gốc và lãi là 1.825.082.329 đồng. Ông bà xin Ngân hàng xem xét giảm lãi quá hạn vì hoàn cảnh của ông bà có khó khăn.

[2.5]. Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ ý kiến như trình bày trên, Ngân hàng không đồng ý giảm lãi quá hạn theo đề nghị ông Đ, bà N. Các đương sự xác định tài sản thế chấp không thay đổi, phát sinh so với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

[3]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, các đương sự thống nhất với nhau về việc xác lập hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp tài sản cũng như bị đơn thừa nhận nợ gốc và nợ lãi như đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ đề nghị giảm lãi quá hạn để sớm thanh toán nợ cho Ngân hàng, do hoàn cảnh hiện tại có khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 ngày 27/01/2022; khế ước nhận nợ số 01-020/2022/HĐHM-CN/SHB.130700 ngày 28/01/2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 022/2022/HĐTC-CN/SHB.130700, ngày 27/01/2022 do Văn phòng C nhận ngày 27/01/2022; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1chi nhánh L ngày 28/01/2022 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N với yêu cầu của bị đơn về việc giảm lãi quá hạn, không được Ngân hàng chấp nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 2.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền thực chi 800.000 đồng, đã hoàn lại Ngân hàng 1.200.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông Đ bà N nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 800.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Đ bà N đới chịu án phí theo quy định.

Ngân hàng được nhận lại 31.678.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N

Buộc ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N đới nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2024 là 1.825.082.329đ

(Một tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 04/9/2024 (ngày 05/9/2024) ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 022/2022/HĐTC-CN/SHB.130700, ngày 27/01/2022 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại cổ phần S thu hồi nợ thì ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N liên đới hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn) đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ bà Lê Thị Tuyết N liên đới nghĩa vụ chịu 66.752.000đ (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 31.678.000đ (Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002078, ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Long Xuyên.

Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S là nguyên đơn, bà Lê Thị Tuyết N bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Thành Đ bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

